

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-PT

Ngày 24-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH). Địa chỉ: **Cụm C- L, huyện C, tỉnh Long An** (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Mai Xuân T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **Cụm C- L, huyện C, tỉnh Long An** (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2023- Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1962 (Có mặt).

2.2. Bà **Kim Thị Sóc K**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**.

Người đại diện hợp pháp của bà **Kim Thị Sóc K**: Ông **Dương Văn H** (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị Cẩm T1 (Vắng mặt);

3.2. Ông Dương Thanh T2 (Vắng mặt);

3.3. Bà Dương Thị Mỹ T3 (Vắng mặt);

3.4. Ông Dương Thanh T4 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.5. Ông Trà An H1. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Dương Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên toà: Ngày 01/3/2013, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK để có tài sản đảm bảo và mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K. Ngày 05/3/2013, Công ty tiến hành giao hàng cho ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K như đã thỏa thuận.

Đến ngày 29/4/2020, Công ty T và ông Dương Văn H lập biên bản xác nhận công nợ đến ngày 29/4/2020, ông Dương Văn H còn nợ Công ty T số tiền 135.012.857 đồng.

Để đảm bảo cho việc mua bán thức ăn, Công ty T cùng với ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK và phụ lục hợp đồng thế chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK với số công chứng 441. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp gồm:

1. Thửa đất số 309, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.360,0 m², tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K;

2. Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.928,7 m², tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H;

3. Thửa đất số 307, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.190,2 m², tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H;

4. Thửa đất số 986, tờ bản đồ số 5, diện tích 186,8 m², tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K;

5. Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.456,9 m², tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K vi phạm hợp đồng và không thanh toán số nợ còn lại cho Công ty T. Trong phiên hoà giải ngày 23/4/2021 ông H trình bày chỉ còn nợ số tiền 100.000.000 đồng nên Công ty T cũng thống nhất với ông H, chỉ yêu cầu ông H và bà K trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong trường hợp ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K không thanh toán nợ cho Công ty T thì Công ty T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Văn H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn là hiện nay vợ chồng ông còn nợ Công ty T số tiền 100.000.000 đồng. Vợ chồng ông đồng ý trả số nợ này nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình đang rất khó khăn không có khả năng trả một lần. Ông H đề nghị Công ty cho ông trả dần một năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Hiện nay phần đất thế chấp cho Công ty ông đã cho các con sử dụng là Dương Thị Cẩm T1, Dương Thanh T2, Dương Thị Mỹ T3, Dương Thanh T4, con rể Trà An H1. Đối với thửa đất số 299 trước đây có cho vợ chồng ông Triệu Phương Đ thuê nhưng hiện nay không còn tiếp tục thuê nữa.

* Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà Dương Thị Cẩm T1, Dương Thanh T2, Dương Thị Mỹ T3, Dương Thanh T4, T: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đều vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/DS-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 325, 357, 468, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Buộc ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K có nghĩa vụ liên đới

trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là các thửa đất theo hợp đồng thế chấp số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK và phụ lục hợp đồng thế chấp chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK với số công chứng 441 đối với các phần đất sau:

2.1. Thửa số 309, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.360,0 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K;

2.2. Thửa số 286, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.928,7 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H;

2.3. Thửa số 307, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.190,2 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H;

2.4. Thửa số 299, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.456,9 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H.

2.5. Thửa số 986, tờ bản đồ số 5, diện tích 186,8 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K và tài sản gắn liền trên đất có kết cấu: Nhà chính diện tích xây dựng 52m², diện tích sàn 86m² có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, tường 10, mái tole, trần thạch cao, nền gạch men, có 02 tầng, hoàn thành xây dựng năm 2012. Nhà tạm trước gắn với mái che, có kích thước 9,4m x 4,2m, có kết cấu: Nền xi măng, vách tường 10, mái tole xi măng, đỡ mái bằng cột bê tông cốt thép. Nhà tạm sau có kích thước 9,5m x 4,2m, kết cấu: Nền xi măng, vách tường + tole + không vách, cột bê tông đúc sẵn + gỗ tạp, mái tole xi măng, đỡ mái gỗ tạp. Mái che, có kích thước 4,2m x 5,2m, kết cấu: Nền xi măng, vách bằng tole + xây gạch + lưới B40, mái bằng tole, cột bằng bê tông đúc sẵn + tre, đỡ mái gỗ tạp.

Ông Dương Văn H, bà Kim Thị Sóc K cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà Dương Thị Cẩm T1, Dương Thanh T2,

Dương Thị Mỹ T3, Dương Thanh T4, Trà An H1 có nghĩa vụ liên đới giao tài sản thế chấp nêu trên để cơ quan có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

- Ngày 13/6/2023, bị đơn là ông Dương Văn H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng với lý do: Cấp sơ thẩm buộc ông trả cho Công ty một lần số tiền là 100.000.000 đồng là vượt quá khả năng của ông, vì số tiền ông nợ Công ty là tích lũy nhiều lần; Quá trình làm ăn thì phía Công ty có thỏa thuận chiết khấu lợi nhuận cho ông 0,05%/số hàng mà ông lấy của Công ty khoảng 100.000.000 đồng nhưng Công ty chưa giải quyết cho ông.

Nay, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- + Khấu trừ tiền ông còn nợ Công ty 100.000.000 đồng với số tiền Công ty hứa chi chiết khấu lợi nhuận cho ông số tiền khoảng 100.000.000 đồng;

- + Nếu Công ty không đồng ý khấu trừ nợ thì ông đồng ý trả 100.000.000 đồng cho Công ty mỗi năm là 20.000.000 đồng đến khi dứt nợ;

- + Yêu cầu Công ty trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK và phụ lục hợp đồng thế chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK với số công chứng 441 cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; ông Dương Văn H là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Kim Thị Sóc K không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn H là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, bị đơn là Kim Thị Sóc K vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Dương Thị Cẩm T1, Dương Thanh T2, Dương Thị Mỹ T3, Dương Thanh T4, Trà An H1 đã được Toà án triệu tập họp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là Công ty T) khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong trường hợp ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K không thanh toán nợ cho Công ty T thì Công ty T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBDK để có tài sản đảm bảo và mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K để thu hồi nợ.

[3.2] Bị đơn ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K đồng ý trả số nợ cho Công ty 100.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình đang rất khó khăn không có khả năng trả một lần, ông H và bà K xin trả dần một năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Hiện nay phần đất thế chấp cho Công ty ông đã cho các con sử dụng là Dương Thị Cẩm T1, Dương Thanh T2, Dương Thị Mỹ T3, Dương Thanh T4, con rể Trà An H1.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn H thì nhận thấy:

[4.1] Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết khấu trừ tiền ông còn nợ Công ty 100.000.000 đồng với số tiền Công ty hứa chi chiết khấu lợi nhuận cho ông số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Xét thấy, tại biên bản xác nhận công nợ ngày 29/4/2020 (BL số 35) giữa Công ty với ông H thì ông H thống nhất lập biên bản xác nhận công nợ đến ngày 29/4/2020 còn nợ Công ty số tiền 135.012.857 đồng. Mọi thanh toán phát sinh sau thời điểm nêu trên đều được tính vào thời điểm tiếp theo và tại Tòa phúc thẩm thì đại diện Công ty cho rằng đã tính toán trong biên bản xác nhận công nợ ngày 29/4/2020 nên Công ty không đồng ý theo yêu cầu của ông H và tại Tòa phúc thẩm ông H không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là do Công ty chưa chi chiết khấu lợi nhuận cho ông, nên kháng cáo của ông H phần này không được Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết nếu Công ty không đồng ý khấu trừ nợ thì ông đồng ý trả 100.000.000 đồng cho Công ty mỗi năm là 20.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Xét thấy, yêu cầu của bị đơn không

được đại diện nguyên đơn chấp nhận. Do đó, phần kháng cáo này của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Ông **H** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Công ty trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK và phụ lục hợp đồng thế chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK với số công chứng 441 cho ông. Xét thấy, ngày 01/3/2013, Công ty Trách nhiệm hữu hạn **T** (gọi tắt là Công ty **T**) ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK để có tài sản đảm bảo và mua bán thức ăn chăn nuôi với ông **Dương Văn H** và bà **Kim Thị Sóc K**. Ngày 05/3/2013, Công ty tiến hành giao hàng cho ông **Dương Văn H** và bà **Kim Thị Sóc K** như đã thỏa thuận. Đến ngày 29/4/2020, Công ty **T** và ông **Dương Văn H** lập biên bản xác nhận công nợ đến ngày 29/4/2020, ông **Dương Văn H** còn nợ Công ty **T** số tiền 135.012.857 đồng. Như vậy, hiện nay vợ chồng ông **H**, bà **K** còn nợ Công ty số tiền theo yêu cầu là 100.000.000 đồng và chưa thanh toán, nên yêu cầu này của ông **H** không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hiện nay tài sản thế chấp do ông **H**, bà **K** cùng với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà **Dương Thị Cẩm T1**, **Dương Thanh T2**, **Dương Thị Mỹ T3**, **Dương Thanh T4**, **Trà An H1** đang quản lý sử dụng nên khi Công ty **T** có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì ông **H**, bà **K** cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới giao tài sản là các thửa đất nêu trên để cơ quan chức năng có thẩm quyền phát mãi theo hợp đồng thế chấp số 043 ngày 01/3/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 043, số công chứng 441 giữa bên nhận thế chấp: Công ty TNHH **T** (nay đổi tên thành Công ty TNHH **T**) và bên thế chấp ông **Dương Văn H**, bà **Kim Thị Sóc K** để thu hồi nợ cho Công ty **T** theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông **Dương Văn H**, đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông **H** là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Dương Văn H**. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 325, 357, 468 Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T**. Buộc ông **Dương Văn H** và bà **Kim Thị Sóc K** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T** số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông **Dương Văn H** và bà **Kim Thị Sóc K** không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ cho **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T** thì **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là các thửa đất theo hợp đồng thế chấp số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK và phụ lục hợp đồng thế chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 043/MX-ST/2013-HĐĐLTTSP/TBĐK với số công chứng 441 đối với các phần đất sau:

2.1. Thửa số 309, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.360,0 m², đất tọa lạc **ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2012 do **Ủy ban nhân dân huyện M** cấp cho ông **Dương Văn H** và bà **Kim Thị Sóc K**;

2.2. Thửa số 286, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.928,7 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H;

2.3. Thửa số 307, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.190,2 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H;

2.4. Thửa số 299, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.456,9 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2013 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H.

2.5. Thửa số 986, tờ bản đồ số 5, diện tích 186,8 m², đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K và tài sản gắn liền trên đất có kết cấu: Nhà chính diện tích xây dựng 52m², diện tích sàn 86m² có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, tường 10, mái tole, trần thạch cao, nền gạch men, có 02 tầng, hoàn thành xây dựng năm 2012. Nhà tạm trước gắn với mái che, có kích thước 9,4m x 4,2m, có kết cấu: Nền xi măng, vách tường 10, mái tole xi măng, đỡ mái bằng cột bê tông cốt thép. Nhà tạm sau có kích thước 9,5m x 4,2m, kết cấu: Nền xi măng, vách tường + tole + không vách, cột bê tông đúc sẵn + gỗ tạp, mái tole xi măng, đỡ mái gỗ tạp. Mái che, có kích thước 4,2m x 5,2m, kết cấu: Nền xi măng, vách bằng tole + xây gạch + lưới B40, mái bằng tole, cột bằng bê tông đúc sẵn + tre, đỡ mái gỗ tạp.

Ông Dương Văn H, bà Kim Thị Sóc K cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà Dương Thị Cẩm T1, Dương Thanh T2, Dương Thị Mỹ T3, Dương Thanh T4, Trà An H1 có nghĩa vụ liên đới giao tài sản thế chấp nêu trên để cơ quan có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng, ông Dương Văn H và bà Kim Thị Sóc K phải liên đới chịu để trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã tạm ứng trước.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Bị đơn ông Dương Văn H được miễn án phí.

4.2. Bị đơn bà Kim Thị Sóc K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

4.3. Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 3.376.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009281 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Dương Văn H được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – Văn phòng – Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng

